TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA
Bản án số: 21/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 30-6-2017
V/v*: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạt – Thẩm phán.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Ngọc Châu.
2. Bà Cù Thị Chanh.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

***Đại diện VKSND huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa*:** Không.

Ngày 30 tháng 6 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai vụ án thụ lý số 48/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2017 về "Tranh chấp hôn nhân gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Trịnh Thị L, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Thôn 6, xã HL, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.
Có mặt
2. *Bị đơn*: Anh Phùng Như V, sinh năm 1987.
Địa chỉ: Thôn 6, xã HY, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.
Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 07/4/2017, bản tự khai ngày 31/5/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Trịnh Thị L trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Phùng Như V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 24/12/2010. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không thống nhất được với nhau về việc làm ăn phát triển kinh tế,

nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, đến tháng từ tháng 3/2017 vợ chồng đã sống ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phùng Như V.

Về con chung*:* Vợ chồng có 01 con chung tên là Phùng Thùy D, sinh ngày 10/11/2011, hiện đang ở với anh Vũ, ly hôn chị Liên yêu cầu được nuôi cháu D, yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 500.000đ/ cho đến khi cháu D tròn 18 tuổi, tại buổi hòa giải ngày 15/6/2017 và tại phiên tòa chị L thay đổi về yêu cầu cấp dưỡng, chị L không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 31/5/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phùng Như V trình bày: Anh và chị Trịnh Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 24/12/2010. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không thống nhất được với nhau về việc làm ăn phát triển kinh tế, nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, đến tháng từ tháng 3/2017 vợ chồng đã sống ly thân. Chị L yêu cầu ly hôn anh thấy tình cảm vợ chồng cũng không còn nên anh hoàn toàn đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung*:* Vợ chồng có 01 con chung tên là Phùng Thùy D, sinh ngày 10/11/2011, hiện đang ở với anh V, ly hôn anh V yêu cầu được nuôi cháu D, không yêu cầu chị Liên phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh vì anh V thu nhập 6.000.000đ/tháng.

Về tài sản: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị L và anh Phùng Như V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn còn lại là mâu thuẫn kéo dài từ năm 2012 đến nay, nguyên nhân mâu mâu thuẫn do vợ chồng không thống nhất được với nhau về việc làm ăn phát triển kinh tế, nghi kỵ nhau về kinh tế, tiền bạc chi tiêu trong gia đình; vợ chồng đã ly thân từ tháng 3/2017, hai bên không có trách nhiệm gì với nhau. Chị L xin ly hôn anh V cũng đồng ý, điều này chứng tỏ cuộc sống vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị L được ly hôn anh V là phù hợp.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phùng Thùy D, sinh ngày 10/11/2011. Chị L và anh V đều có yêu cầu được nuôi con, xét yêu cầu nuôi con của chị L và anh V là chính đáng. Thấy rằng chị L có công việc ổn định, có thu nhập hàng tháng 6.100.000đ/tháng. Anh V khai rằng anh làm xây dựng thu nhập khoảng 6.000.000đ nhưng anh không xuất trình được căn cứ chứng minh cho thu nhập của mình, công việc làm xây dựng cũng xa nhà; chị L tuy chưa có chỗ ở như anh V, hiện tại anh V sống với bố mẹ đẻ, chị L đang phải ở nhờ người thân nhưng có thể khắc phục được, bố mẹ đẻ chị L có đề nghị hỗ trợ thêm trong việc chăm sóc cháu D cùng chị L nếu Tòa án giao con cho chị L nuôi dưỡng. Hơn nữa cháu D là nữ giới, tại thời điểm xét xử cháu chưa đủ 6 tuổi, giao con chung cho chị L sẽ thuận tiện hơn trong việc chăm sóc và sự phát triển tâm sinh lý bình thường của cháu. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu D theo quy định tại điều 81 Luật hôn nhân gia đình cần giao cháu D cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L có thu nhập hàng tháng tháng 6.100.000đ/tháng, nghĩ nên ghi nhận ý kiến của chị L, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

[4]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí DSST về hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1, Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 6, Điều 9, điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trịnh Thị L và anh Phùng Như V.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Phùng Thùy D, sinh ngày 10/11/2011 cho chị Trịnh Thị Li trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận ý kiến của chị L, anh V không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị L.

Anh V có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trịnh Thị L phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số AA/2014/0004661 ngày 09/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị L đã nộp đủ án phí.

Tr□ờng hợp bản án đ□ợc thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng□ời phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c□ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ□ợc thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị L, anh V có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- THADS huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Văn Đạt